

Số: 29/2022/QĐST-HNGĐ.

Mỏ Cày Bắc, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Lê Văn T** - Sinh năm: 1972; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà **Nguyễn Thị L** - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L thống nhất thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông T, bà L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L có hai người con chung là: Lê Văn Hữu Đ - Sinh ngày 17 tháng 02 năm 1998 và Lê Đăng K - Sinh ngày 01 tháng 02 năm 2013. Ông T, bà L thỏa thuận được với nhau là ông T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chưa thành niên là Lê Đăng K, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của ông T, bà L là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của người con (Lê Đăng K) và phù hợp với quy định tại các điều 55, 81 của Luật Hôn

nhân và Gia đình. Riêng người con lớn là Lê Văn Hữu Đ, đã thành niên, có khả năng lao động nên ông T, bà L không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L trình bày là không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2) Về con chung:

Ông Lê Văn T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa ông với bà Nguyễn Thị L là: Lê Đăng K - Sinh ngày 01/02/2013 (hiện đang sống chung với ông T) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi, bà L phải không cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu. Riêng người con lớn là Lê Văn Hữu Đ - Sinh năm: 1998, đã thành niên, có khả năng lao động nên ông T, bà L không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

Bà L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà L.

Vì lợi ích của con chung, bà L, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3) Về tài sản chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

1.4) Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

2/ Về lệ phí sơ thẩm: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện nhận chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm mà ông T, bà L đã nộp là 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007753 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; ông T, bà L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Ông Lê Văn T (01 bản);
- Bà Nguyễn Thị L (01 bản);
- UBND xã B (01 bản);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp (03 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên